TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Thủy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2021/TLST-DS ngày 28/12/2021 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"* theo quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Hương L, sinh năm 1988; địa chỉ: Số nhà 177/33 Y, phường E, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Thanh L1, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 14, phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Đặng Công Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Thành A- Luật sư công ty Luật TNHH D – Chi nhánh Đà Nẵng thuộc đoàn Luật sư thành phố

Đà Nẵng; địa chỉ: Số 141 DMC, phường H1, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Đỗ Thị Hương L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ tự nguyện xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng vào năm 2015, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng tại các phòng trọ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nên ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay bà L cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án cho bà L được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung tên là Đặng Công Thiên An, sinh ngày 23/6/2016. Ly hôn, bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện thì bà L có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 121, tờ bản đồ số 112; địa chỉ: Lô 43 – B1.86 (GĐ2) Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng và giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Quá trình giải quyết vụ án thì bà L và ông Đ đã tự thỏa thuận với với nhau về giải quyết tài sản chung và đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn nên vào ngày 08/3/2022, bà L có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung và nợ chung.

**** Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 12/01/2022 và tại phiên tòa bị đơn là ông Đặng Công Đ trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn. Quá trình chung sống ông bà thường hay cải vã nhau, hôn nhân ngày càng rơi vào tình trạng trầm trọng, không còn

hợp nhau về tư tưởng và cách sống. Nay ông Đ xác Đ vợ chồng đã không còn tình cảm yêu thương lẫn nhau nên ông cũng đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Có một con chung tên là Đặng Công Thiên An, sinh ngày 23/6/2016. Ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông có đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm 01 thửa đất số 121, tờ bản đồ số 112; địa chỉ: Lô 43 – B1.86 (GĐ2) Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, 01 xe ô tô BKS 47A-285.45 và giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì bà L và ông đã tự thỏa thuận với với nhau về giải quyết tài sản chung và đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn nên vào ngày 20/4/2022, ông có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu đối với phần chia tài sản chung và nợ chung.

Ông Lê Thanh L1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày luận cứ: Tại phiên tòa bà L và ông Đ đều thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông Đ. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ đã tự thỏa thuận với nhau và có đề nghị rút yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về con chung: Thấy rằng, con chung Đặng Công Thiên An sống với bà L từ lúc sinh ra cho đến thời điểm sau khi bà L nộp đơn ly hôn, đến cuối năm 2021 ông Đ lên xin phép đón cháu về ăn tết với gia đình bên nội 1 tháng và sau đó tự ý giữ cháu lại nuôi dưỡng, không cho bà L đón con về. Về điều kiện kinh tế thì bà L có công việc ổn Đ, thu nhập rất cao, ngoài ra còn kinh doanh riêng. Về hoàn cảnh sống thì thấy: Việc ồn ào đánh ghen như các video bị đơn cung cấp đã được Công an phường giải quyết thể hiện đó là sự việc hiểu lầm và người gây rối đã bị xử phạt vi phạm hành chính, công khai xin lỗi bà L, thể hiện bà L không có lỗi trong sự việc nêu trên. Còn về phía ông Đ thì bản thân ông Đ là giáo viên nhưng có việc đánh bài, chửi thề và quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, như vậy cần phải xem xét tư cách đạo đức của ông Đ.

Từ các căn cứ trên ông Long đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin được trực tiếp nuôi con của bà L.

Luật sư Hồ Thành A là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ: Luật sư Hồ Thành Acũng đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông Đ. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ đã tự thỏa thuận với nhau và có đề nghị rút yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về con chung thì thấy rằng: Con chung đã gần 6 tuổi, hiện đang sinh sống và học tập với ông Đ và gia đình bên nội, hiện nay đã nhập khẩu cho cháu An vào hộ khẩu của bà nội. Khi mang thai và sinh con thì bà L xin về nhà mẹ đẻ ở Đắk Lắk, sau đó vì con còn nhỏ và dịch bệnh nên con vẫn ở cùng bà L, tuy nhiên ông Đ cũng thường xuyên vào thăm, chăm sóc con. Ông Đ có đủ điều kiện về vật chất, thu nhập, có công việc ổn Đ là giáo viên nên ông có thời gian và kỹ năng chăm sóc, dạy dỗ con chung. Về phía gia đình ông Đ thì bà nội và chú của cháu An cũng có nguyện vọng được cùng chăm sóc nuôi dưỡng. Về phía bà L thì thấy vào năm 2020, có sự việc xảy ra xô xát đánh ghen đối với bà L khi cháu An đang ở với bà L, Luật sư không đánh giá sự việc đúng sai nhưng cho rằng sự việc xảy ra công khai và dư luận sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con nhỏ; đáng lo ngại là các sự việc này vẫn có thể tiếp tục diễn ra nhiều lần hơn nữa. Từ đó, xét quyền lợi về mọi mặt của cháu Thiên An nên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, hợp tình, hợp lý.

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Đơn khởi kiện; bản tự khai của nguyên đơn; văn bản trình bày ý kiến của bị đơn; văn bản trình bày ý kiến của Ngân hàng TMCP Sài Gòn; Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của con chung; các bản sao chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của đương sự; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; hồ sơ vay vốn và thế chấp tài sản; biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án; đơn xin xác nhận nơi làm việc và mức lương của bà L; các tài liệu thể hiện nơi làm việc của ông Đ, sao kê tài khoản ngân hàng về thu nhập; giấy xác nhận nơi học của con chung; sổ hộ khẩu có tên cháu Thiên An; 01 UBS, biên

bản và quyết Đ xử phạt vi phạm hành chính của Ủy an nhân dân và công an phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Hương L và áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Cho bà L được ly hôn ông Đ. Về con chung: Giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông Đ rút yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí sơ thẩm, bà L phải chịu theo quy Đ của pháp luật.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy Đ tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đ xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào 2015 tại UBND xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*Số đăng ký kết hôn: 134/2015 ngày 30/10/2015*), hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy Đ nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L và ông Đ đều xác Đ quá trình sống chung thì giữa vợ chồng ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp nên thường xuyên cải vãi nhau, ông bà sống ly thân từ năm 2016 đến nay không còn quan

tâm gì đến cuộc sống của nhau và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông bà được ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L ông Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho bà L được ly hôn ông Đ.

[2.2] Về con chung: Bà L và ông Đ xác Đ có 01 con chung tên là Đặng Công Thiên An, sinh ngày 23/6/2016. Ly hôn, bà L và ông Đ đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là nguyện vọng chính đáng của các bên đương sự cũng là trách nhiệm của người làm cha làm mẹ. Tuy nhiên, thấy rằng con chung hiện đang còn nhỏ tuổi (gần 6 tuổi); các đương sự đều thừa nhận bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tại tỉnh Đắk Lắk từ lúc sinh ra cho đến thời điểm sau khi bà L nộp đơn ly hôn, ông Đ xin đưa con về ăn tết (năm 2022) với gia đình bên nội tại Đà Nẵng 01 tháng và sau đó thì ông Đ giữ con lại để nuôi dưỡng cho đến nay. Thời gian bà L nuôi con một mình thì việc nuôi dưỡng con chung của bà L đều được đảm bảo. Bà L hiện có công việc ổn Đ, thu nhập cao (hiện là Trưởng chi nhánh Công ty TNHH MTV Snow White khu vực Tây Nguyên mức lương 120.000.000 đồng/ tháng theo Đơn xác nhận ngày 08/3/2022 của Công ty TNHH MTV Snow White) nên thấy rằng việc giao con cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo điều kiện tốt nhất cho quyền lợi về mọi mặt của con chung. Ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không có yêu cầu. Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy Đ của pháp luật.

[2.3] Đối với ý kiến của ông Đ và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình cho rằng vào năm 2020 bà L bị người khác đánh ghen vì cho rằng có quan hệ tình cảm với chồng của người đó; sự việc xảy ra công khai, có nhiều người chứng kiến. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung và có thể tiếp diễn trong tương lai nên cho rằng việc giao con chung cho bà L nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo thì thấy: Sự việc xô xát vào ngày 20/4/2020 như bị đơn trình bày đã được Công an phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột giải quyết, kết quả giải quyết thể hiện đó là sự việc hiểu lầm và Ủy an nhân dân phường đã ra quyết Đ xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Lê Thị Ánh Tuyết (người gây

rối) và buộc công khai xin lỗi bà L. Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận ý kiến của bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng thì bà L, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng và giải quyết khoản nợ chung của vợ chồng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án thì bà L và ông Đ đã tự thỏa thuận với với nhau về giải quyết tài sản chung và đã trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Sài Gòn cũng có văn bản trình bày ý kiến xác Đ bà L và ông Đ đã tất toán khoản nợ tại ngân hàng và không còn quyền, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Ngày 08/3/2022, bà L có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung và nợ chung; ngày 20/4/2022, ông Đ có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu đối với phần chia tài sản chung và nợ chung. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với 01 phần yêu cầu về chia tài sản chung và giải quyết nợ chung khi ly hôn của bà L ông Đ.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng bà L phải chịu theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

Căn các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Hương L với ông Đặng Công Đ về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Đỗ Thị Hương L được ly hôn ông Đặng Công Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Đặng Công Thiên An, sinh ngày

23/6/2016 cho bà Đỗ Thị Hương L trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đặng Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy Đ của pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với một phần yêu cầu của bà Đỗ Thị Hương L và ông Đặng Công Đ về yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* bà Đỗ Thị Hương L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 4147 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Đỗ Thị Hương L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Hương L số tiền tạm ứng án phí 21.000.000 đồng (*hai mốt triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 4148 ngày 27/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Hoàn trả cho ông Đặng Công Đ số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (*mười hai triệu đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 4206 ngày 18/02/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Phong
(Số ĐKKH: 134 ngày 30/10/2015);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn